

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGŨ NGHĨA

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

1. Tên học phần: Ngữ nghĩa

2. Mã học phần: NNA 004

3. Số tín chỉ: 02 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã được học xong các học phần thực hành tiếng

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	luongnn78@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182332	huongtrakhankhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

- Học phần Ngữ nghĩa bao gồm 4 phần, tập trung vào các khái niệm về ngữ nghĩa, nghĩa của từ, nghĩa của câu, nghĩa phát ngôn, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ.

- Học phần cung cấp các kiến thức, phân tích về các vấn đề của ngữ nghĩa học, nghĩa của từ, các phép tu từ, trường nghĩa và mối quan hệ về nghĩa trong câu. Qua đó, sinh viên phân tích được nghĩa của từ, giải thích phép tu từ, nêu được nghĩa của từ, câu trong văn bản.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Hiểu các khái niệm về ngữ nghĩa, trường	2	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
	nghĩa, phép tu từ, mệnh đề, câu, phát ngôn, các kiểu câu. - Trình bày được đặc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm. - Hiểu về các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. - Diễn đạt các khái niệm về mệnh đề, phát ngôn, câu và các kiểu câu, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ.		
MT2	Kỹ năng		
	- Phân tích đặc điểm ngữ nghĩa trong từ: trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm. - So sánh các đặc tính của lời nói. Sử dụng các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm trong diễn đạt ngôn ngữ bằng tiếng Anh. - Viết được mệnh đề, phát ngôn và câu sử dụng phép kép theo, bao hàm, câu phỏng nghĩa, hàm ngôn, tiền giả định.	2	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Hiểu các khái niệm về ngữ nghĩa, trường nghĩa, phép tu từ, mệnh đề, câu, phát ngôn, các kiểu câu.	2	[2.1.4]
CĐR1.2	- Trình bày được đặc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa,		[2.1.4]

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
	nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm.		
CĐR1.3	- Hiểu về các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.		[2.1.4]
CĐR1.4	- Diễn đạt các khái niệm về mệnh đề, phát ngôn, câu và các kiểu câu, tiền giả định, hàm ngôn, hành động ngôn từ.		[2.1.4]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích đặc điểm ngữ nghĩa trong từ: trường nghĩa, nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm	2	[2.2.1]
CĐR2.2	So sánh các đặc tính của lời nói. Sử dụng các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, ngoa dụ, cách nói giảm, nói tránh, bao hàm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm trong diễn đạt ngôn ngữ bằng tiếng Anh.	3	[2.2.1]
CĐR2.3	Viết được mệnh đề, phát ngôn và câu sử dụng phép kép theo, bao hàm, câu phỏng nghĩa, hàm ngôn, tiền giả định.	3	[2.2.1]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CĐR1				CĐR2			CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Section 1: Introduction 1.1. What is semantics? 1.2. Semantics and its possible included aspects	2		2	2	2	3	3	4	4	4
2	Section 2: Word meaning 2.1. Semantic features 2.2. Componential analysis 2.3. Semantic fields 2.4. Lexical gaps 2.5. Denotation and connotation 2.6. Figures of speech 2.7. Hyponymy 2.8. Synonymy 2.9. Antonymy 2.10. Homonymy 2.11. Polysemy	2	2		2	2	3	3	4	4	4
3	Section 3: Sentence meaning 3.1. Proposition, utterance and sentence 3.2. Sentence types 3.3. Paraphrase 3.4. Entailment	2	2		2	2	3	3	4	4	4

4	Section 4: Utterance meaning 4.1. Presupposition 4.2. Conversational implicature 4.3. Conventional implicature 4.4. Speech acts 4.5. Performatives and constatives 4.6. Politeness, co-operation and indirectness	2	2	2	2	2	3	3	4	4	4
---	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.2, CĐR1.2	CĐR2.2, CĐR2.3,	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4	CĐR 2.2, CĐR2.3	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm kết hợp - 90 phút		CĐR 2.2, CĐR2.3	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	

11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- *Tài liệu chính:*

[1]- Tô Minh Thanh, *Ngữ nghĩa học Tiếng Anh English semantics*, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

- *Tài liệu tham khảo:*

[2]. John Lyons. *Linguistic semantic*.Cambrigde University Press.

[3]. Kate Kearns. *Semantics*. Unversity of Canturbury New Zealand.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>Section 1: Introduction</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về ngữ nghĩa, các khía cạnh liên quan đến ngữ nghĩa. - Làm bài tập, thuyết trình về nội dung bài học <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. What is semantics?</p> <p>1.2. Semantics and its possible included aspects</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, Dạy học dựa trên vấn đề, Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích nội dung bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho sinh viên thực hiện theo cá nhân, theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu phần 1.1; 1.2 trang 7-9 tài liệu [1] + Đọc phần 1.1. tài liệu [2] + Chuẩn bị nội dung thảo luận phần 1.2 	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
2	<p>Section 2: Word meaning</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về ngữ nghĩa, các khía cạnh liên quan đến ngữ nghĩa; trường ngữ nghĩa, mối quan hệ nghĩa từ vựng; khái niệm về nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm, sự tương đồng và ẩn dụ; khái niệm về ẩn dụ và hoán dụ, phân tích câu sử dụng ẩn dụ và hoán dụ; khái niệm về ngoa dụ, nói giảm, nói tránh; khái niệm về hiện tượng bao hàm, từ bao, từ được bao; khái niệm về từ 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích nội dung của chương theo từng phần cụ thể. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho sinh viên thực hiện theo cá nhân, theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra. + Đọc và làm bài tập theo tung nội dung của các phần tại tài 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>đồng nghĩa, từ trái nghĩa; khái niệm về từ đồng âm, đồng âm 1 phần, đồng âm hoàn toàn.</p> <p>- Làm bài tập, thuyết trình về nội dung bài học</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Semantic features</p> <p>2.2. Componential analysis</p> <p>2.3. Semantic fields</p> <p>2.4. Lexical gaps</p> <p>2.5. Denotation and connotation</p> <p>2.6. Figures of speech</p> <p>2.7. Hyponymy</p> <p>2.8. Synonymy</p> <p>2.9. Antonymy</p> <p>2.10. Homonymy</p> <p>2.11. Polysemy</p>		<p>liệu 1.</p> <p>+ Thực hiện các nội dung thuyết trình theo từng phần.</p> <p>+ Thảo luận và trình bày nội dung.</p>	
3	<p>Section 3: Sentence meaning</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Nêu được khái niệm về mệnh đề, phát ngôn và câu; câu phỏng nghĩa, phép kéo theo</p> <p>- Làm bài tập, thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Proposition, utterance and sentence</p> <p>3.2. Sentence types</p> <p>3.3. Paraphrase</p> <p>3.4. Entailment</p>	2 (LT, OTH)	<p>Thuyết trình, Dạy học dựa trên vấn đề.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giải thích về nghĩa của câu, các phép, mệnh đề, câu.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho sinh viên thực hiện theo cá nhân, theo nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra.</p> <p>+ Đọc phần 3.1.2, 3.1.3 tài liệu 1 trang 96 – 104.</p> <p>- Hoàn thành bài tập theo từng nội dung.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
4	<p>Section 4: Utterance meaning</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về nghĩa của phát ngôn, phân loại và đặc điểm; khái niệm về hàm ngôn ước định, thuyết Grice về hàm ngôn; khái niệm về hành động ngôn từ, phân loại hành động ngôn từ trực tiếp và gián tiếp.. - Làm bài tập, thuyết trình về nội dung bài học. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Presupposition 4.2. Conversational implicature 4.3. Conventional implicature 4.4. Speech acts 4.5. Performatives and constatives 4.6. Politeness, co-operation and indirectness 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, Dạy học dựa trên vấn đề, Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các khái niệm về phát ngôn, hàm ngôn, hành động ngôn từ. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho sinh viên thực hiện theo cá nhân, theo nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra. + Làm bài tập theo yêu cầu tại tài liệu [1]. + Chuẩn bị nội dung thuyết trình, thảo luận. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Hải Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên